

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/DS-PT
Ngày 02 tháng 4 năm 2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tòng Thị Hiền

Các Thẩm phán: Ông Cầm Văn T, ông Hoàng Trung Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Phạm Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 04 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ L số: 02/2018/DS-PT ngày 03 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 19 tháng 09 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện MS bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXX-ST ngày 07 tháng 03 năm 2019; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lâm Văn Q (Đã chết) và bà Hoàng Thị T. Địa chỉ: Xóm 4, Tiểu khu 5, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa .

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đình H (có mặt) và bà Trương Thị L (có đơn xin xét xử vắng mặt). Địa chỉ: Xóm 4, Tiểu khu 5, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Đình Đ (có mặt), bà Vương Thúy C (có đơn xin xét xử vắng mặt), bà Lâm Cẩm L (có mặt), ông Lâm Ngọc Hoàng (có văn bản ủy quyền cho bà Hoàng Thị T); đều trú tại địa chỉ: Xóm 4, Tiểu khu 5, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Đình H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 25/02/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 09/04/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn ông Lâm Văn Q và bà Hoàng Thị T trình bày như sau:

Năm 1998, vợ chồng ông Lâm Văn Q bà Hoàng Thị T có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Đào Thị Tâm, trú tại Tiểu khu 20, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La, khi nhận đất đã có khuôn viên và tường rào xây bằng gạch xung quanh, đến năm 2004 hai bên lập hợp đồng chuyển nhượng theo quy định. Năm 2006, ông bà được cấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hoàng Thị T và Lâm Văn Q do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện MS cấp ngày 06/01/2006.

Năm 2013, khi xây nhà ông bà đã không xây hết đất, phần phía ngõ vào nhà ông Nguyễn Đình Đ có để lại một phần đất và một phần tường liền kề với ngõ đi vào nhà ông Đ, phía giáp đường xóm là 45cm, trên đất có một phần tường cũ chưa phá đi để bảo vệ móng nhà. Anh H (con ông bà C Đ) có ý muốn mua lại phần đất đó để mở rộng đường vào nhà nhưng ông bà không đồng ý. Năm 2016, anh H xin ông bà đi nhờ, phá phần tường còn lại và lát gạch vào đường cho trùng màu với phần đường đã lát, ông bà đã đồng ý cho mượn và nói khi nào gia đình có nhu cầu sẽ lấy lại. Khi ông Q đi về quê, anh H đã lợi dụng lúc đó để ốp gạch, xây, khoan, bắn cột sắt vào tường nhà ông bà Q T, bà T đã có ý kiến không đồng ý nhưng anh H vẫn tiếp tục xây dựng. Ông bà đã có đơn đề nghị đến UBND thị trấn HL để giải quyết nhưng không thành.

Vì vậy, ông bà làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Đình H và vợ là bà Trương Thị L phải trả lại diện tích đất đã lấn chiếm là 5,2m² tại Xóm 4, Tiểu khu 5, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Tứ cạnh cụ thể: Chiều dài là giáp tường là 20m, chiều rộng giáp đường liền xóm là 0,45m. Đồng thời, yêu cầu ông H và bà L phải tháo dỡ cột sắt, gạch ốp vào tường, trả lại nguyên trạng tường nhà cho gia đình ông bà.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn bà Trương Thị L và ông Nguyễn Đình H trình bày:

Về nguồn gốc đất hiện nay gia đình ông H đang sử dụng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Đình Đ (là bố đẻ ông H) do UBND tỉnh Sơn La cấp năm 1993. Gia đình ông bà làm công từ tháng 02/2016 đến tháng 10/2016 cùng thời điểm làm nhà với gia đình anh Hải liền kề ngõ đi vào nhà ông. Trong quá trình xây dựng, gia đình ông Q không có ý

kiến phản đối, đến khi hoàn thiện công thì ông bà Q T mới có ý kiến phản đối không cho xây dựng và cho rằng gia đình ông bà H L lấn chiếm đất.

Ông bà cho rằng diện tích đất gia đình ông bà Q T được cấp quyền sử dụng đất là 373m² theo 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hoàng Thị T và Lâm Văn Q đã được UBND huyện MS cấp năm 2006. Tuy nhiên, thực tế ông bà Q T đã sử dụng là 381,2m² (theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ do Tòa án tiến hành) khi chưa tính thêm diện tích đất ông bà Q T cho rằng bị lấn chiếm. Như vậy, diện tích đất ông bà Q T đã sử dụng vượt quá diện tích đất được cấp.

Ngoài ra, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993 cấp cho ông Nguyễn Đình Đ đã thể hiện cổng loe rộng ở phía ngoài, có vòng cua khi rẽ vào cổng nhà ông bà. Gia đình ông Q xây dựng nhà năm 2013, trong khi cổng gia đình ông bà đã lát gạch trước đó. Ông bà cho rằng chỉ xây dựng trên tường sát tường nhà ông Q, trên diện tích đất của gia đình ông Đ, không ốp gạch lên tường nhà ông Q bà T.

Vì vậy, ông bà H L không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông bà Q T. Căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993 do UBND tỉnh Sơn La cấp cho ông Nguyễn Đình Đ thì ông bà khẳng định chỉ sử dụng diện tích đất được cấp cho gia đình ông Đ, không lấn chiếm đất của gia đình ông bà Q T.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình Đ và bà Vương Thúy C trình bày:

Gia đình ông bà sống tại địa phương đã lâu, thửa đất ông bà đang sinh sống có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông Sửu từ năm 1978, phần đất đang tranh chấp gia đình đã làm ngõ đi vào nhà từ thời điểm này, trước khi gia đình ông bà Q T chuyển đến và đã được UBND tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Đình Đ năm 1993. Gia đình ông Q khởi kiện con trai ông bà về việc lấn chiếm đất ở ngõ đi là không có căn cứ. Bởi lẽ gia đình ông chỉ sử dụng diện tích đất có trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp. Nguyên vọng của ông bà rất mong muốn hai bên gia đình hòa giải để giữ được tình cảm hàng xóm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 19 tháng 09 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện MS đã quyết định: Áp dụng Điều 265, 266, 267 Bộ luật dân sự, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Văn Q và bà Hoàng Thị T, buộc bị đơn ông Nguyễn Đình H, bà Trương Thị L phải tháo dỡ toàn bộ các công trình đã xây dựng kiểu nhà hai tầng bằng khung sắt để tách rời ra khỏi tường nhà ông Q bà T gồm: Chiều dài ông trình 15,7 mét, bờ tường 5 cao 1,2m, dài 12m xây sắt vào tường nhà ông Q, 06 cột sắt 10 x 20cm ốp sắt vào tường, phía ngoài cổng cao 3,2m, phía trong cao 2,8m, tầng 2 gồm 7 ột ốp sắt cao 3,2m, trên tường gắn động cơ cửa cuốn, tầng 1 và 2 đều làm trần thạch cao, phía trước cổng gắn biển “*Nhà hàng Thiên L*”, phần mái tôn đã xây dựng ốp sắt vào tường nhà ông Q dài 13,9m; hệ thống lan can ở tầng 2 đã khoét vào tường nhà ông Q khoảng 5 x 20cm.

Ông Hữu có trách nhiệm tháo dỡ các công trình này để tách ra khỏi tường nhà và mái giọt ranh của nhà ông Quảng bà T để trả lại một phần đất cùng khoảng không gian theo chiều thẳng đứng của phần đất đã lấn chiếm có chiều rộng 0,3m tính từ mép ngoài tường nhà ông Q (hướng đông) nối thẳng sang ngõ vào nhà ông Đoán và từ điểm này nối thẳng vào phía trong ngõ dài 10,54m chạm mép tường nhà ông Q với diện tích 1,58m². Toàn bộ phần đất nằm tại thửa đất số 62, tờ bản đồ F48-101-149-5 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Hoàng Thị T và ông Lâm Văn Quảng do UBND huyện MS cấp theo Quyết định số 06/QĐ-UB ngày 06/01/2006. Địa chỉ: Xóm 4, Tiểu khu 5, thị trấn Hát Lót, huyện MS, tỉnh Sơn La.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/10/2018 bị đơn ông Nguyễn Đình H đã có đơn kháng cáo với nội dung sau: Không nhất trí với toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện MS, do diện tích đất đang có tranh chấp và toàn bộ tài sản trên đất là của ông Nguyễn Đình Đ và bà Vương Thúy C. Ông Nguyễn Đình H chỉ là người trông coi và quản L giúp ông bà Đ C. Việc ông bà Q T khởi kiện ông bà H L là không chính xác. Gia đình ông bà Đ C đã sử dụng đất đúng theo sơ đồ đất trong GCNQSDĐ, không có sự lấn chiếm đất của gia đình ông bà Q T. Diện tích đất của ông bà Q T so với GCNQSDĐ vẫn còn thừa, do đó không có căn cứ để khởi kiện yêu cầu đòi lại đất của gia đình ông bà Đ C.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đã tiến hành bổ sung người tham gia vào tố tụng là Lâm Cẩm Ly và Lâm Ngọc Hoàng với tư cách là Người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, do GCNQSDĐ cấp cho hộ gia đình ông Lâm Văn Q, bà Hoàng Thị T. Ngày 06/01/2019, ông Lâm Văn Q mất, không để lại di chúc, những người ở hàng thừa kế thứ nhất của ông Lâm Văn Q đã họp và thống nhất, giao việc giải quyết

tranh chấp đất đai và tham gia tố tụng tại Tòa án cho bà Hoàng Thị T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến của các đương sự như sau:

**Ý kiến tranh luận của ông H:* Năm 2006 gia đình bà T được cấp GCNQSDĐ với chiều rộng con đường chỉ có 2m, tôi xét thấy GCNQSDĐ được cấp như vậy là không chính xác. Tôi đề nghị phải hủy GCNQSDĐ của gia đình chị T. Tôi không nhất trí với bản án sơ thẩm và không nhất trí thỏa thuận với gia đình bà T.

**Ý kiến tranh luận của bà T:* Tôi không nhất trí hòa giải, đề nghị giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

**Ý kiến tranh luận của ông Đ:* Nếu các bên hòa giải được thì tôi rất mong muốn giữ lại được sự đoàn kết, nếu các bên không thỏa thuận được thì tôi đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

**Ý kiến của chị Ly:* Nhất trí như ý kiến của bà T, không nhất trí thỏa thuận, giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân dân tỉnh Sơn La phát biểu quan điểm:* Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ L vụ án đến phiên tòa hôm nay đã tuân thủ và thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phần trình bày và ý kiến tranh luận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đình H, đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện MS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về thành phần những người tham gia tố tụng:* Căn cứ vào GCNQSDĐ cấp cho hộ gia đình bà Hoàng Thị T, ông Lâm Văn Q; xét thấy cần phải đưa những người có trong hộ khẩu của gia đình bà T, ông Q tại thời điểm cấp GCNQSDĐ năm 2006 và những người có công sức đối với diện tích đất tại thời điểm giải quyết vụ án, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh nội dung này dẫn đến thiếu người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, ngày 06/01/2019 ông Lâm Văn Q chết, Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành xác minh, đưa bổ sung người tham gia tố tụng là chị Lâm Cẩm Ly, anh Lâm Ngọc Hoàng là thành viên trong hộ gia đình ông bà Q T, vào tham gia với tư cách là người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, đồng thời là người

thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Lâm Văn Q. Chị Ly, anh Hoàng đều thống nhất quyền và lợi ích với bà Hoàng Thị T, không có tranh chấp và không có ý kiến gì ngoài các ý kiến như bà T đã nêu tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm; ủy quyền toàn bộ quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cho bà Hoàng Thị T. Do đó, đã khắc phục được thiếu sót về tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm.

[1.2] *Về quyền khởi kiện của ông bà Q T đối với ông bà H L:* Ông H cho rằng, toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất thuộc quyền quản L và sử dụng của ông Đ, bà C, nên ông Q, bà T phải khởi kiện ông Đ, bà C mới chính xác. Căn cứ vào lời khai của ông H, bà L trong quá trình giải quyết vụ án và kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ do Tòa án tiến hành. Xét thấy, phần diện tích đất có tranh chấp nằm cùng với con đường đi chung của gia đình ông bà H L và ông bà Đ C. Trên một phần diện tích đất có tranh chấp hiện nay đã được xây dựng công trình nhà cột sắt, sàn gỗ, mái lợp tôn, phía ngoài có biển hiệu “Nhà hàng Thiên L”. Mục đích dựng ngôi nhà nêu trên theo ông H là để phục vụ ăn uống, hoàn toàn phù hợp với nội dung kinh doanh của gia đình ông H, bà L hiện nay. Tại cấp sơ thẩm ông H đều thừa nhận về việc tạo dựng ngôi nhà, bắn đinh vít và ốp gạch vào tường nhà ông bà Q T, làm ảnh hưởng đến công trình xây dựng của gia đình ông bà. Do đó, việc ông bà Q T khởi kiện ông H, bà L buộc phải trả lại phần đất đã lấn chiếm và tháo dỡ, dịch chuyển ngôi nhà ra khỏi phần đất tranh chấp là có cơ sở khởi kiện theo quy định của pháp luật.

2. Về nội dung kháng cáo của anh Nguyễn Đình H:

[2.1] *Về diện tích đất khởi kiện:* Anh H cho rằng, vợ chồng bà T khởi kiện không đúng về diện tích đất tranh chấp. Theo đơn khởi kiện, vợ chồng bà T yêu cầu trả lại diện tích 10cm chiều rộng phía giáp nhà ông Đ, 45cm phía giáp đường liên xóm và 20m chiều dài; nhưng thực tế, chiều dài con đường tính cả phần đường liên xóm là 17,5m, chứ không phải 20m theo như yêu cầu của vợ chồng bà T. Xét thấy, đây là yêu cầu khởi kiện ban đầu của bà T, việc xác định diện tích đất lấn chiếm chỉ mang tính chất tương đối. Quá trình giải quyết tại Tòa án, mới xác định được cụ thể diện tích và chiều dài các cạnh tiếp giáp của đất tranh chấp để làm cơ sở cho Tòa án xem xét và giải quyết.

[2.2] *Về xác định người bị kiện:* Mặc dù trong GCNQSDĐ của ông Nguyễn Đình Đ thể hiện có con đường đi ra mặt đường ngõ, nhưng không thể hiện cụ thể diện tích của ngõ đi. Tại các văn bản xác minh với cơ quan Nhà nước đã xác định, đây là ngõ đi chung, không cấp cho riêng gia đình nào. Đối với phần diện tích đất tranh chấp có tài sản công trình trên đất, được xác định là công trình do anh H tạo dựng và quản L để kinh doanh. Do đó, bà T, ông Q khởi

kiện, yêu cầu vợ chồng anh H, chị L trả lại phần diện tích đã lấn chiếm và tháo dỡ, di dời phần công trình trên đất lấn chiếm là có căn cứ.

[2.3] *Đối với phần lan can inox của công trình xây dựng*: Khi thực hiện có vướng phần đầu nhà anh Q; anh Đức là thợ làm thuê đã hỏi ý kiến của ông Q để cắt phần đầu, lắp tay vịn cho đỡ vướng. Tuy nhiên, công trình nhà là tài sản chung của vợ chồng ông bà Q T, việc ông Q đồng ý, nhưng chưa có sự đồng ý của bà T, thì chưa được thực hiện việc cắt phần đầu nhà. Mặt khác, anh Đức chỉ là thợ làm thuê theo sự chỉ đạo của anh H. Do vậy, trong quá trình tạo dựng công trình của mình, anh H đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của ông bà Q T.

[2.4] *Đối với phần diện tích đất trong GCNQSDĐ và diện tích đất trên thực tế*: Hiện nay, gia đình ông bà Q T và gia đình ông bà Đ C đều sử dụng diện tích đất lớn hơn so với trong GCNQSDĐ. Do đó, việc gia đình bà T thừa diện tích đất sử dụng trên thực tế, không phải là căn cứ để xác định, gia đình ông H không lấn chiếm đất của ông bà Q T. Việc xác định diện tích đất tranh chấp, lấn chiếm, dựa trên nhiều căn cứ pháp L và chứng cứ để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2.5] *Đối với yêu cầu xem lại trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông bà Q T*: Ông H đề nghị xem xét lại GCNQSDĐ số AD 494065 và số AD 494066 do UBND huyện MS cấp cho vợ chồng ông bà Q T vào ngày 06/01/2006. Tuy nhiên, tại Tòa án cấp sơ thẩm ông H không có yêu cầu phản tố đối với nội dung này, do đó tại Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sở để xem xét yêu cầu này.

[2.6] *Đối với nội dung giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy*: Để xác định chính xác phần diện tích đất tranh chấp, tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, ông bà Q T đều đề nghị Tòa án tiến hành đào nền đường, tìm phần móng tường nhà của ông bà Q T để xác định ranh giới chính xác. Tuy nhiên, trong các buổi làm việc, ông H đều không nhất trí cho đào, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả xem xét thẩm định trên thực tế, thông tin từ những người biết sự việc và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

* *Xét về giấy tờ pháp L*: Năm 1992 ông Nguyễn Đình Đ được cấp GCNQSDĐ, thể hiện có ngõ đi ra đường xóm, nhưng không cụ thể các cạnh chiều dài, chiều rộng của con đường đi. Năm 2006 gia đình bà T được cấp GCNQSDĐ thể hiện, diện tích đất gia đình bà T giáp ngõ đi vào nhà ông Đ với chiều rộng 2m, trên thực tế con đường này, qua xem xét thẩm định tại chỗ có chiều rộng hơn 2m so với trong bìa.

** Xét lời khai của những người biết sự việc:* Qua xác minh với bà Đào Thị Tâm là chủ bán đất, ông Mai Văn Long là thợ xây nhà cho ông bà Q T, xác định tại thời điểm xây nhà, ông bà Q T không xây dựng hết phần đất của mình, khi xây nhà, ông bà Q T vẫn để lại một bức tường cũ để bảo vệ phần móng nhà, phần mái giọt ranh vẫn nằm đúng trong diện tích đất của ông bà.

**Xét kết quả xem xét thẩm định tại chỗ:* Hiện nay, công trình nhà cột sắt của gia đình ông H có sự đan xen, ốp sát vào công trình nhà xây dựng kiên cố của ông bà Q T, một phần của công trình này nằm trên phần đất có diện tích móng nhà của ông bà Q T.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc gia đình ông H phải trả lại phần diện tích đất lấn chiếm và tháo dỡ phần công trình trên đất gồm khung nhà sắt hai tầng, cửa cuốn và các linh kiện, tường gạch đã ốp sát vào tường nhà ông bà Q T là có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, xét thấy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Đình H, cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 19/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện MS.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3]Về án phí: Ông Nguyễn Đình H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ: Tổng chi phí hai lần xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc theo yêu cầu của đương sự tại Tòa án cấp phúc thẩm là 8.000.000 đồng. Các đương sự có đơn yêu cầu điều tự nguyện chịu chi phí tố tụng đối với yêu cầu của mình, do đó, cần chấp nhận sự tự nguyện này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đình H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 19/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện MS; như sau:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Văn Q và bà Hoàng Thị T, buộc bị đơn ông Nguyễn Đình H, bà Trương Thị L phải tháo dỡ công trình đã xây dựng kiểu nhà hai tầng bằng khung sắt để tách rời ra khỏi tường nhà ông Q bà T gồm: Chiều dài công trình 15,7 mét, bờ tường 5 cao 1,2m, dài 12m xây sát vào tường nhà ông Q, 06 cột sắt 10 x 20cm ốp sát vào tường, phía ngoài cổng cao 3,2m, phía trong cao 2,8m, tầng 2 gồm 7 ột ốp sắt cao 3,2m, trên tường gắn động cơ cửa cuốn, tầng 1 và 2 đều làm trần thạch cao, phía trước cổng gắn biển “*Nhà hàng Thiên L*”, phần mái tôn đã xây dựng ốp sát vào tường nhà ông Q dài 13,9m; hệ thống lan can ở tầng 2 đã khoét vào tường nhà ông Q khoảng 5 x 20cm.

- Ông Hữu có trách nhiệm tháo dỡ các công trình này để tách ra khỏi tường nhà và mái giọt ranh của nhà ông Quảng bà T để trả lại một phần đất cùng khoảng không gian theo chiều thẳng đứng của phần đất đã lấn chiếm có chiều rộng 0,3m tính từ mép ngoài tường nhà ông Q (hướng đông) nối thẳng sang ngõ vào nhà ông Đoán và từ điểm này nối thẳng vào phía trong ngõ dài 10,54m chạm mép tường nhà ông Q với diện tích 1,58m². Toàn bộ phần đất nằm tại thửa đất số 62, tờ bản đồ F48-101-149-5 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Hoàng Thị T và ông Lâm Văn Quảng do UBND huyện MS cấp theo Quyết định số 06/QĐ-UB ngày 06/01/2006. Địa chỉ: Xóm 4, Tiểu khu 5, thị trấn Hát Lót, huyện MS, tỉnh Sơn La.

(Toàn bộ hình thể thửa đất có sơ đồ đo vẽ kèm theo Bản án).

Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001880 ngày 03 tháng 10 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện MS.

Chấp nhận sự tự nguyện chịu chi phí tố tụng của các đương sự (đã nộp đủ).

Các quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện MS, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.
(Ngày 02/04/2019).

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân huyện MS;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện MS;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tòng Thị Hiền

